

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2021
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2021 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đông Tr, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Chu Văn Th, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đông Tr, xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Chu Văn Th kết hôn năm 2005, có đăng ký kết tại UBND xã Thạch Ch, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Nhưng do vợ chồng làm mất giấy đăng ký kết hôn, tại UBND xã Thạch Ch không lưu giữ được sổ sách về việc đăng ký kết hôn của vợ chồng. Đến ngày 17/8/2018, thì vợ chồng đi đăng

ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đ, huyện Hiệp Hòa. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng, không cùng chung sống với gia đình hai bên. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã không còn tình cảm từ tháng 12/2020 đến nay. Hiện vợ chồng vẫn đang chung sống cùng nhau ở nhà trọ ở huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Anh Th vẫn có trách nhiệm với chị và các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn Anh Th.

Về con chung: Chị và Anh Th có 02 con chung là cháu Chu Thị Hà Gi, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Chu Anh T, sinh ngày 15/8/2011. Các con chung hiện đang do ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập không ổn định, hàng tháng thu nhập khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Chu Văn Th trình bày tại phiên tòa: Về thời gian, điều kiện và nghi thức kết hôn như chị V trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng, không chung sống với gia đình hai bên. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, chỉ là có bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Theo anh thì vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Chỉ là do điều kiện công việc của anh đi làm ở xa (Ở tây Nguyên) nên vợ chồng không chung sống với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng vẫn đang chung sống với nhau và vẫn chung sống hòa thuận hạnh phúc. Chị V yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị V trình bày là đúng. Vì không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung. Bản thân anh vẫn có trách nhiệm với chị V và các con. Hiện tại các con đang do ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng. Các con khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Chu Văn Th.
2. Về con chung: Giao cả 02 cháu Chu Thị Hà Gi, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Chu Anh T, sinh ngày 15/8/2011 cho chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng.
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Chu Văn Th và yêu cầu giải quyết về con chung, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Chu Văn Th có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, do vậy Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị V với anh Chu Văn Th kết hôn ngày 17/8/2018, có đăng lý tại UBND xã Mai Đ. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Chị V yêu cầu ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Th không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Theo lời trình bày của chị V và Anh Th thì xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Do đặc thù công việc nên Anh Th phải đi làm xa (ở trong Tây Nguyên) nên vợ chồng không thể chung sống với nhau, nhưng cả chị V và Anh Th đều xác định Anh Th vẫn có trách nhiệm với chị V và các con. Hiện vợ chồng vẫn đang chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vẫn có thể kéo dài, mục đích của hôn nhân có đạt được. Chị V yêu cầu ly hôn Anh Th là không có căn cứ và không được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Chu Thị Hà Gi, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Chu Anh T, sinh ngày 15/8/2011. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V nên về con chung không đặt ra xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56; Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ly hôn anh Chu Văn Th.

2, Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000579 ngày 02/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3, Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Mai Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Chuyên